Người ký: Sở Tư pháp
Email: stp@bentre.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bến Tre
Thời gian ký: 01.11.2018 16:40:55 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2018/QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 04 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế vận hành của Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với Trung tâm dữ liệu;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 530/TTr-STTTT ngày 02 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế vận hành của Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2018./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Vận hành của Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh Bến Tre

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hạ tầng kỹ thuật dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung của tỉnh đặt tại Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh Bến Tre (sau đây viết tắt là TTTHDL tỉnh).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành (bao gồm các đơn vị trực thuộc), đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội thuộc tỉnh và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan tham gia quản lý, vận hành và khai thác TTTHDL tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: Là tập hợp thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng và các thiết bị kỹ thuật chuyên dùng khác.

2. Hệ thống thông tin dùng chung: Là hệ thống sử dụng công nghệ thông tin để thu thập, truyền, lưu trữ, xử lý, phân phối thông tin và dữ liệu để có thể ứng dụng trong nhiều cơ quan nhà nước. Hệ thống thông tin bao gồm phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng, dữ liệu và con người tham gia hệ thống đó.

3. Cơ sở dữ liệu dùng chung: Cơ sở dữ liệu dùng chung là tập hợp các dữ liệu về các lĩnh vực được sử dụng trong nhiều cơ quan nhà nước được sắp xếp, tổ chức để dễ dàng truy nhập, khai thác, quản lý an toàn và cập nhật thông qua các phương tiện điện tử.

4. Phần mềm dùng chung: Là sản phẩm phần mềm được xây dựng để có thể ứng dụng trong nhiều cơ quan nhà nước.

5. An toàn an ninh thông tin: Bao gồm các hoạt động quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung thông tin trước các nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra. An toàn, an

ninh thông tin bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng.

6. TTTHDL tỉnh: Là hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung trong hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và hỗ trợ cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, công dân.

7. Cơ quan sở hữu TTTHDL tỉnh: Là Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, giao Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý (gọi tắt là cơ quan quản lý); Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Bến Tre, đơn vị trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre là cơ quan quản lý kỹ thuật, vận hành, khai thác (gọi tắt là cơ quan vận hành).

8. Người sử dụng: Là cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bến Tre và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia, sử dụng các dịch vụ của TTTHDL tỉnh.

Điều 3. Vị trí, chức năng của Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh

1. Vị trí: TTTHDL tỉnh là công trình hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và viễn thông được Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư xây dựng, duy trì và khai thác nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, phục vụ công tác triển khai, phát triển công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh.

2. Chức năng: TTTHDL tỉnh là nơi tập trung các máy chủ, thiết bị kỹ thuật công nghệ thông tin chuyên dụng với khả năng lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn, hệ thống bảo mật an toàn dữ liệu, hệ thống phụ trợ, mạng diện rộng và các hệ thống phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh, được triển khai theo mô hình điện toán đám mây; tuân theo tiêu chuẩn TCVN 9250:2012 và bảo đảm các thiết bị, phần mềm dùng chung được hoạt động trong môi trường tiêu chuẩn, ổn định với độ dự phòng cao.

Điều 4. Kiến trúc và dịch vụ của Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh

1. Kiến trúc của TTTHDL tỉnh được chia thành các phân hệ sau đây:

a) Phân hệ mạng và truyền dẫn: bao gồm các kết nối truyền dẫn nội mạng đến Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, phân hệ kết nối đến các sở, ban ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể; phân hệ kết nối mạng đến các huyện, phường, xã, thị trấn. Phân hệ mạng được chia làm nhiều vùng khác nhau, mỗi phân vùng được áp đặt các chính sách an ninh và truy cập riêng để phục vụ cho các mục đích khác nhau.

b) Phân hệ an ninh: bao gồm các thiết bị tường lửa cho lớp mạng và lớp ứng dụng, các thiết bị ngăn chặn xâm nhập trái phép, thiết bị cân bằng tải và các ứng dụng an ninh hệ thống, an ninh máy chủ. Mỗi thành phần trong phân hệ an ninh đều được thiết kế bảo đảm tính dự phòng và bổ sung hỗ trợ lẫn nhau trong toàn bộ hệ thống của TTTHDL tỉnh.

c) Phân hệ máy chủ: bao gồm hệ thống máy chủ đã được đầu tư phục vụ cho chính quyền điện tử của tỉnh, với khả năng sẵn sàng cho việc mở rộng số lượng máy

chủ trong tương lai. Hệ thống máy chủ có khả năng cung cấp năng lực tính toán cho nhiều mục đích khác nhau như: ứng dụng chuyên ngành, trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin tích hợp của tỉnh.

d) Phân hệ lưu trữ: bao gồm hệ thống lưu trữ tập trung với năng lực xử lý ở mức cao, khả năng lưu trữ lớn và có trang bị hệ thống băng từ để bảo đảm cho mục đích sao lưu, phục hồi dữ liệu cho toàn bộ hệ thống. Hệ thống được thiết kế bảo đảm khả năng mở rộng cho việc phát triển dữ liệu trong tương lai.

e) Phân hệ các hệ thống phụ trợ: bao gồm các hệ thống phụ trợ cho TTTHDL tỉnh như: hệ thống điện, điều hòa, thiết bị lưu điện, máy phát điện, sàn nâng, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, camera an ninh và các thiết bị có liên quan khác.

2. Các dịch vụ, hệ thống phần mềm được cung cấp tại TTTHDL tỉnh, bao gồm:

a) Các dịch vụ, phần mềm phục vụ cho việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội bao gồm: mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD), hệ thống thư điện tử, một cửa điện tử liên thông và dịch vụ công trực tuyến, hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành cũng như các phần mềm dùng chung khác triển khai tại TTTHDL tỉnh, hệ thống dịch vụ thư mục (Active Directory - AD), phân giải tên miền (Domain Name System - DNS), lưu ký trang tin điện tử (Web Hosting), Giao thức ứng dụng truy cập các cấu trúc thư mục - LDAP (Lightweight Directory Access Protocol), dịch vụ truy cập Internet, hệ thống bảo mật và các hệ thống có liên quan khác; quản lý các kết nối từ mạng cục bộ (Local Area Network - LAN) của các sở, ban ngành (bao gồm các đơn vị trực thuộc), đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan khác tham gia kết nối với TTTHDL tỉnh.

b) Căn cứ vào nhu cầu thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo bổ sung các ứng dụng khác phải vận hành trên TTTHDL tỉnh.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, BẢO MẬT TRUNG TÂM TÍCH HỢP DỮ LIỆU TỈNH

Điều 5. Nguyên tắc về quản lý, vận hành và khai thác Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định áp dụng đối với TTTHDL theo Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông và tiêu chuẩn quốc tế ISO 27001:2013 về quản lý bảo mật thông tin do Tổ chức Chất lượng Quốc tế và Hội đồng Điện tử Quốc tế xuất bản vào ngày 25 tháng 9 năm 2013.

2. Tuân thủ nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ và duy trì cơ sở dữ liệu được quy định tại Điều 13 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

3. Cơ quan vận hành TTTHDL tỉnh triển khai cung cấp các dịch vụ gia tăng cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; trên cơ sở khai thác an toàn, hiệu quả hạ tầng TTTHDL hiện có; đảm bảo tối đa không quá 10% tổng dung lượng toàn hệ thống.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ TTTHDL tỉnh phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trên tài khoản truy cập của mình.

5. Các dữ liệu điện tử, văn bản điện tử cấp độ "Mật" trở lên lưu trữ tại TTTHDL tỉnh phải được áp dụng các biện pháp an toàn bảo mật, mã hóa theo quy định của pháp luật. Việc xác định dữ liệu điện tử, văn bản điện tử có cấp độ "Mật" do cơ quan quản lý xem xét, quyết định.

Điều 6. Hệ thống mạng và truyền dẫn

1. Hệ thống mạng và truyền dẫn phải đảm bảo hiệu năng cho các ứng dụng, khả năng sẵn sàng và có các giải pháp để đảm bảo an toàn hệ thống.

2. Hệ thống mạng và truyền dẫn phải bảo đảm:

a) Hệ thống mạng hoạt động liên tục 24/24, nhanh, ổn định và an toàn, đáp ứng được yêu cầu về băng thông cho các ứng dụng hệ thống.

b) Có các giải pháp kiểm soát việc truy cập mạng đảm bảo các quy định về an ninh, các chính sách bảo mật.

c) Tuân theo các tiêu chuẩn của TTTHDL tỉnh về bấm dây, dán nhãn, chuẩn cáp mạng, cách thức đi dây, đấu nối, phân bổ nút mạng.

Điều 7. Quản lý, khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh

1. Các cơ quan, đơn vị có các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép đặt tại TTTHDL tỉnh phối hợp với đơn vị vận hành cập nhật, chia sẻ thông tin dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung để phục vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước; đảm bảo ổn định, hiệu quả, có định hướng lâu dài và phù hợp với quy định của các ngành có liên quan.

2. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức di chuyển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu mang tính chất dùng chung cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực đã triển khai trước đây về TTTHDL tỉnh nhằm đảm bảo chia sẻ, tích hợp và an toàn thông tin.

3. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân được phép khai thác sử dụng tài nguyên dịch vụ trên TTTHDL tỉnh với quyền hạn và phạm vi truy cập do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp, nghiên cứu khoa học và các mục đích khác phù hợp với quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Quản lý, khai thác sử dụng Internet

1. Hạ tầng kết nối Internet phải có các giải pháp, chính sách bảo mật đảm bảo hệ thống không bị tấn công xâm nhập, lây lan virus, phần mềm độc hại từ bên ngoài;

cũng như ngăn chặn, không để phát tán virus, phần mềm độc hại từ các thiết bị ngoại vi khác.

2. Cơ quan vận hành chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra nội dung và băng thông truy cập, ngăn chặn, đề xuất các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm.

3. Hàng năm, cơ quan vận hành tham mưu, đề xuất thuê đường truyền Internet đảm bảo tốc độ, băng thông cho hoạt động TTTHDL tỉnh. Đường truyền Internet cho TTTHDL tỉnh tối thiểu phải từ 02 nhà cung cấp dịch vụ khác nhau để đảm bảo độ dự phòng cao và tính sẵn sàng kết nối cho toàn hệ thống.

Điều 9. Quản lý thiết bị

1. Thiết bị công nghệ thông tin đặt tại TTTHDL tỉnh phải được đặt tên và dán nhãn tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn quy định.

2. Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Bến Tre phải thực hiện tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng thiết bị tại TTTHDL tỉnh hàng quý, năm và báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

3. Trường hợp thiết bị hỏng là thiết bị quan trọng (máy chủ, thiết bị định tuyến, thiết bị chuyển mạch, thiết bị tường lửa), Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Bến Tre phải báo cáo ngay về Sở Thông tin và Truyền thông để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Điều 10. Quản lý bản quyền phần mềm

1. Các phần mềm, chương trình ứng dụng sử dụng cho TTTHDL tỉnh phải có bản quyền sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chỉ được cài đặt và sử dụng các phần mềm đã mua bản quyền. Các phần mềm có bản quyền khác, phần mềm mã nguồn mở, phần mềm miễn phí phải được cơ quan quản lý phê duyệt trước khi sử dụng.

3. Không phát tán, chia sẻ phần mềm có bản quyền của TTTHDL tỉnh ra bên ngoài.

Điều 11. Quản lý hồ sơ liên quan đến Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh

1. Danh sách các loại hồ sơ lưu trữ:

a) Quy định về quản lý, triển khai, vận hành các hệ thống.

b) Các quy trình vận hành kỹ thuật các hệ thống.

c) Các quy trình bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống.

d) Hồ sơ thiết kế, thuyết minh kỹ thuật, hoàn công.

đ) Hồ sơ quản trị các hệ thống thông tin điện tử.

e) Hồ sơ lưu các dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân.

g) Bảng thống kê danh sách thiết bị tại TTTHDL tỉnh. Danh sách các thiết bị hỏng, hết khấu hao sử dụng chờ thanh lý. Biên bản bàn giao thiết bị cho người quản trị, người sử dụng (nếu có).

h) Tài liệu, biên bản kiểm tra, đánh giá của TTTHDL tỉnh.

i) Báo cáo quản trị hệ thống, nhật ký vận hành hệ thống.

k) Các hồ sơ, tài liệu kỹ thuật khác.

2. Hồ sơ phải được lưu bằng văn bản, tập tin bản mềm trên máy tính và phải được cập nhật khi có sự thay đổi.

Điều 12. Quản lý mật mã hệ thống Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh

1. Thủ trưởng cơ quan vận hành TTTHDL tỉnh có trách nhiệm quản lý hệ thống mật mã quản trị của TTTHDL tỉnh.

2. Mật mã phải bảo đảm độ phức tạp về độ dài, nội dung, thời gian sử dụng:

a) Độ dài của mật mã:

- Đối với mật mã của nhân viên và người sử dụng (dùng để đăng nhập thư điện tử, ứng dụng nghiệp vụ, máy tính cá nhân và các ứng dụng khác): tối thiểu là 08 ký tự.

- Đối với mật mã quản trị hệ thống (sử dụng cho quản trị các hệ thống mạng, bảo mật, máy chủ, thư điện tử, ứng dụng dùng chung): tối thiểu là 11 ký tự.

b) Nội dung mật mã:

- Không bao gồm các từ dễ nhớ như: tên, ngày, tháng, năm sinh, số điện thoại.

- Đối với mật mã quản trị hệ thống phải bao gồm các loại ký tự sau: chữ cái in thường, chữ cái in hoa, ký tự đặc biệt, số.

c) Thời gian sử dụng mật mã:

Đối với mật mã của nhân viên vận hành, của người quản trị hệ thống (không phải admin) định kỳ phải được thay đổi ít nhất 03 tháng một lần. Trường hợp có thay đổi về nhân sự hoặc yêu cầu tăng cường bảo mật về an toàn an ninh thông tin thì Thủ trưởng cơ quan vận hành TTTHDL tỉnh quyết định việc thay đổi toàn bộ mật khẩu quản trị của TTTHDL tỉnh.

d) Quy định lưu trữ mật mã:

- Không lưu trữ mật mã trên máy tính cá nhân, các thiết bị điện tử.

- Các tài liệu liên quan đến mật mã được xem là tài liệu tối mật, không soạn thảo trên máy tính có nối mạng Internet.

- Cán bộ quản trị hệ thống không sử dụng trình duyệt để truy cập Internet từ các máy chủ thuộc TTTHDL tỉnh.

Điều 13. Sao lưu, phục hồi dữ liệu

1. Thực hiện lưu trữ đầy đủ các dữ liệu của người dùng, ứng dụng và hệ thống. Tùy theo từng loại dữ liệu, thực hiện lưu trữ đúng và đủ thời hạn, đảm bảo phục hồi nguyên trạng khi có sự cố xảy ra.

2. Cơ quan vận hành có trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện Quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng cho toàn bộ TTTHDL tỉnh.

3. Dữ liệu phải được phân loại để lưu trữ theo thứ tự ưu tiên về mức độ quan trọng, sao lưu theo thời gian, loại thông tin, nơi lưu trữ. Đối với các dữ liệu quan trọng phải được lưu trữ tối thiểu tại hai địa điểm cách biệt nhau.

4. Dữ liệu phải được kiểm soát và đối chiếu sau khi sao lưu. Đối với các dữ liệu quan trọng thực hiện sao lưu dữ liệu tối thiểu 01 ngày 01 lần.

Điều 14. Bảo mật hệ thống

1. Duy trì, cập nhật thường xuyên các bản vá lỗi hệ điều hành, phần mềm ứng dụng, hệ thống bảo mật (thiết bị tường lửa, phần mềm phòng chống virus, trojan, thiết bị phát hiện và ngăn chặn xâm nhập trái phép và các thiết bị chuyên dụng có liên quan khác) để bảo đảm an toàn, bảo mật cho TTTHDL tỉnh.

2. Tất cả các máy chủ, máy trạm tại TTTHDL tỉnh phải được cài đặt phần mềm diệt virus được cơ quan quản lý phê duyệt. Đối với các thiết bị chưa được cập nhật phiên bản mới nhất không được kết nối vào hệ thống mạng.

3. Chương trình diệt virus phải luôn được cập nhật kịp thời các bản sửa lỗi, cơ sở dữ liệu các mẫu virus mới và phải được đặt ở chế độ quét thường xuyên, quét khi có kết nối với các thiết bị ngoại vi như: ổ cứng di động USB, ổ cứng gắn ngoài và các thiết bị lưu trữ khác.

4. Những máy tính được phát hiện có virus phải được cách ly ngay khỏi hệ thống để tránh lây nhiễm sang các máy tính khác; đồng thời, phải có cơ chế phát hiện kịp thời việc lây nhiễm, phát tán virus, phần mềm độc hại trong TTTHDL tỉnh và tại các điểm kết nối vào TTTHDL tỉnh.

Điều 15. An toàn hoạt động

1. TTTHDL tỉnh chỉ được đặt các thiết bị đang hoạt động phục vụ vận hành hệ thống, tuyệt đối không đặt các thiết bị khác như: thiết bị hỏng, thiết bị chờ thanh lý, tiêu hủy, tài liệu, các vật dụng dễ cháy, nổ.

2. TTTHDL tỉnh phải đảm bảo vệ sinh công nghiệp: môi trường khô ráo, sạch sẽ, không dột, không thấm nước, không bị ánh nắng chiếu rọi trực tiếp. Độ ẩm, nhiệt độ đạt tiêu chuẩn quy định cho các thiết bị công nghệ thông tin.

3. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy phải đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định, được cấp giấy phép của Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, vừa đảm bảo an toàn tuyệt đối cho toàn hệ thống thiết bị, vừa đảm bảo an toàn cho người quản trị hệ thống tại TTTHDL tỉnh.

4. Hệ thống điện cấp cho TTTHDL tỉnh phải ổn định, liên tục và được trang bị máy phát điện dự phòng để đảm bảo cho hệ thống hoạt động trong thời gian nguồn điện chính gặp sự cố. Máy phát điện được bảo trì định kỳ đảm bảo hoạt động 24/24 của TTTHDL tỉnh.

5. Hệ thống điều hòa nhiệt độ phải đảm bảo nhiệt độ cho phòng máy chủ theo

đúng tiêu chuẩn quy định đối với Trung tâm Dữ liệu; Hệ thống điều hòa nhiệt độ phải được bảo trì định kỳ đảm bảo hoạt động 24/24 của TTTHDL tỉnh.

6. Hệ thống camera thực hiện giám sát toàn bộ TTTHDL liên tục 24/24; bảo đảm dữ liệu hình ảnh phải được lưu trữ ít nhất trong thời gian là 30 ngày.

Điều 16. Xử lý sự cố

1. Khi phát hiện có sự cố, cơ quan vận hành thực hiện các biện pháp cô lập và xác định nguyên nhân xảy ra sự cố theo nguyên tắc hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động của toàn hệ thống; đồng thời, phải thông báo cho bộ phận sử dụng và các cơ quan, đơn vị có liên quan về tình hình sự cố.

2. Tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng của sự cố, đánh giá và phân loại theo 03 mức: sự cố thông thường, sự cố nghiêm trọng và sự cố đặc biệt nghiêm trọng.

a) Đối với các sự cố thông thường (không gây ảnh hưởng đến hoạt động của TTTHDL và người sử dụng), cơ quan vận hành nhanh chóng xử lý sự cố. Trường hợp không xử lý được, thông báo cơ quan quản lý để phối hợp giải quyết.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, máy chủ, đường truyền dữ liệu, cơ sở dữ liệu, các sự cố liên quan đến an ninh thông tin, mất dữ liệu, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của TTTHDL tỉnh), ngay sau khi phát hiện sự cố cơ quan vận hành phải đánh giá ảnh hưởng của sự cố và thực hiện báo cáo về cơ quản quản lý để chỉ đạo xử lý kịp thời.

c) Đối với các sự cố đặc biệt nghiêm trọng (gây ngưng trệ đến toàn bộ hoạt động của TTTHDL tỉnh), cơ quan vận hành và cơ quan quản lý phải có đánh giá ảnh hưởng của sự cố và khẩn trương báo cáo đề xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo xử lý kịp thời.

3. Yêu cầu đối với việc xử lý sự cố cần tuân thủ các nguyên tắc:

a) Phải tuân thủ quy trình xử lý sự cố.

b) Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị của hệ thống.

c) Các dữ liệu quan trọng phải được sao lưu trước khi xử lý sự cố.

d) Ghi nhật ký sự cố kỹ thuật phát sinh tại chỗ.

đ) Thông báo cho các bên liên quan về thời gian khắc phục xong sự cố.

Điều 17. Bảo trì, bảo dưỡng

1. Việc thực hiện bảo trì, bảo dưỡng không được làm gián đoạn và ảnh hưởng đến tình hình cung cấp dịch vụ của TTTHDL tỉnh.

2. Quá trình bảo trì, bảo dưỡng phải thực hiện theo đúng kịch bản, quy trình và ghi nhật ký về tình trạng hoạt động trước và sau khi thực hiện.

Điều 18. Kiểm tra định kỳ

1. Cơ quan quản lý tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý kỹ thuật, triển khai, vận hành và khai thác sử dụng TTTHDL tỉnh theo các quy định tại

Quy chế này tối thiểu 06 tháng một lần.

2. Các nội dung kiểm tra:

a) Việc bảo đảm các điều kiện về môi trường cho hoạt động của TTTHDL tỉnh.

b) Tình hình sử dụng thiết bị, sử dụng ứng dụng của hệ thống.

c) Hoạt động của hệ thống máy chủ, máy trạm, các dịch vụ (cập nhật các bản sửa lỗi, dung lượng ổ cứng, hiệu năng sử dụng và các hoạt động có liên quan).

d) Tình hình an ninh bảo mật hệ thống, đánh giá hiệu quả (khả năng phát hiện và ngăn chặn) của hệ thống bảo mật.

đ) Kiểm tra công tác sao lưu, lưu trữ, phục hồi dữ liệu.

e) Quản lý hồ sơ: ghi nhật ký, cập nhật, tổng hợp thiết bị, báo cáo,...

g) Việc tuân thủ các quy định khác nêu tại Quy chế này.

3. Các vấn đề phát hiện sau khi kiểm tra phải được tổng hợp, đánh giá phân tích mức độ ảnh hưởng với hoạt động của TTTHDL tỉnh và giao cơ quan vận hành lập kế hoạch khắc phục xử lý.

Điều 19. Kiểm soát truy nhập và xác thực

1. Việc quản lý, xác thực nhân viên, người sử dụng truy nhập trên hệ thống phải đảm bảo đầy đủ thông tin, bao gồm: họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, thư điện tử trên hệ thống xác thực người dùng.

2. Cấp phát quyền truy cập, sử dụng và khai thác ứng dụng, tài nguyên thuộc TTTHDL tỉnh phải đảm bảo chặt chẽ, bảo đảm đúng mục đích sử dụng. Mỗi nhân viên TTTHDL tỉnh chỉ được cấp một tài khoản và được phân quyền đủ để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

3. Tạm dừng quyền sử dụng đối với tài khoản đã được đăng ký trên hệ thống nhưng không làm việc trong hệ thống ***từ 30 ngày trở lên***.

4. Giới hạn số lần đăng nhập không thành công vào hệ thống là 05 lần. Sau 05 lần không đăng nhập thành công, tài khoản sẽ bị khóa trong ***thời gian 30 phút.***

5. Phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp người dùng truy nhập bất hợp pháp hoặc thao tác vượt quá giới hạn cho phép.

Điều 20. Quy trình đề nghị, tiếp nhận cung cấp dịch vụ, tài nguyên công nghệ thông tin của Trung tâm Tích hợp Dữ liệu và đề nghị, tiếp nhận khắc phục sự cố của các cơ quan, đơn vị

1. Quy trình đề nghị, tiếp nhận cung cấp dịch vụ, tài nguyên công nghệ thông tin

a) Khi có nhu cầu cung cấp về dịch vụ, hệ thống phần mềm của TTTHDL tỉnh (quy định tại Khoản 2 Điều 4) phục vụ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thì cơ quan, tổ chức phải gửi đề nghị cung cấp dịch vụ, hệ thống phần mềm (theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Quy chế này) về Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, cấp

phát tài nguyên phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật chung của tỉnh và phù hợp với công năng toàn hệ thống TTTHDL tỉnh.

b) Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận đề nghị cung cấp dịch vụ, hệ thống phần mềm TTTHDL tỉnh (theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Quy chế này) và xem xét, quyết định cấp phát phù hợp. Thời gian gửi phản hồi cung cấp dịch vụ, hệ thống phần mềm tại TTTHDL tỉnh tối đa là ***05 (năm) ngày làm việc***, kể từ khi nhận được đầy đủ thông tin yêu cầu.

2. Quy trình đề nghị, tiếp nhận khắc phục sự cố

a) Khi có sự cố về các thiết bị, phần mềm, dịch vụ kết nối vào hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng, dịch vụ của TTTHDL tỉnh thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gửi đề nghị khắc phục sự cố (theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Quy chế này) về Sở Thông tin và Truyền thông để được khắc phục hoặc được hướng dẫn thực hiện việc sửa chữa, bảo trì.

b) Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận đề nghị khắc phục sự cố (theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Quy chế này) từ các cơ quan, tổ chức thì khẩn trương thực hiện việc khắc phục sự cố hoặc hướng dẫn thực hiện việc sửa chữa, bảo trì có liên quan đến các dịch vụ TTTHDL tỉnh. Thời gian phản hồi thông tin đề nghị khắc phục sự cố tối đa là ***01(một) ngày làm việc***, kể từ khi nhận đầy đủ thông tin yêu cầu.

Điều 21. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm việc sử dụng, phát tán thông tin cá nhân do TTTHDL tỉnh nắm giữ vì mục đích vụ lợi, vi phạm quy định pháp luật hiện hành; trừ các yêu cầu đặc biệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

2. Không được thực hiện các hành vi đánh cắp, giả mạo tài khoản để truy cập vào các hệ thống thông tin thuộc TTTHDL tỉnh; không được sử dụng các công cụ, phần mềm gây mất an toàn hệ thống, ảnh hưởng đến hoạt động chung của TTTHDL tỉnh.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC TRUNG TÂM TÍCH HỢP DỮ LIỆU

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức có kết nối về Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh

1. Mỗi cơ quan nhà nước, tổ chức có nối kết về TTTHDL tỉnh cử ít nhất một cán bộ có trình độ về công nghệ thông tin hoặc am hiểu về công nghệ thông tin, quản trị mạng giúp lãnh đạo cơ quan, tổ chức thực hiện công tác quản trị mạng (gọi tắt là Quản trị mạng cơ sở). Cán bộ này có nhiệm vụ triển khai công tác kỹ thuật quản trị mạng đối với hệ thống mạng cục bộ tại đơn vị tuân thủ theo các quy định của TTTHDL tỉnh để thống nhất về cấu trúc hạ tầng và cấu trúc vật lý của toàn bộ Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng, kịp thời báo cáo các sự cố kỹ thuật để cơ quan vận hành TTTHDL tỉnh xử lý.

2. Thực hiện quy định quản lý về tài khoản thư điện tử, địa chỉ IP (Internet Protocol) và các giao thức kết nối hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng và có trách nhiệm tuân thủ các hướng dẫn, quy trình vận hành mạng cục bộ của Quản trị mạng cơ sở, các quy định về an toàn an ninh thông tin đối với hệ thống thiết bị mạng cục bộ của đơn vị.

3. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin lưu trữ của đơn vị mình tại TTTHDL tỉnh theo đúng quy định pháp luật và có trách nhiệm sao lưu định kỳ dữ liệu của đơn vị, theo sự hướng dẫn của cơ quan vận hành.

4. Thực hiện các hướng dẫn, quy trình vận hành trong hệ thống. Khi có thay đổi kết nối, cấu trúc mạng cục bộ của đơn vị phải thông báo với cơ quan vận hành để phối hợp triển khai đảm bảo an toàn và ổn định của hệ thống mạng.

5. Các cán bộ, công chức, viên chức ở các đơn vị chịu trách nhiệm về thông tin tài khoản, mật mã đăng nhập vào hệ thống; đồng thời, có trách nhiệm thay đổi ngay mật mã sau khi đã được cơ quan vận hành cung cấp. Ngoài ra, không được tìm cách xâm nhập trái phép bằng bất cứ hình thức nào để truy nhập vào hệ thống mạng, ứng dụng của tổ chức, cá nhân khác (trừ các yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền). Phối hợp với cán bộ kỹ thuật của cơ quan, đơn vị mình trong việc xử lý sự cố và xác nhận kết quả xử lý.

6. Hàng năm, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng các dịch vụ TTTHDL tỉnh trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình (chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm) gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan quản lý (Sở Thông tin và Truyền thông)

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách khai thác và sử dụng các dịch vụ của TTTHDL tỉnh để đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

2. Phê duyệt các quy trình về bảo dưỡng TTTHDL tỉnh.

3. Thanh tra, kiểm tra và giám sát việc vận hành, khai thác dịch vụ, hệ thống phần mềm tại TTTHDL tỉnh.

4. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, thực hiện báo cáo về tình hình hoạt động và cung cấp dịch vụ của TTTHDL tỉnh về Ủy ban nhân dân tỉnh; đặc biệt, báo cáo hàng tháng tình hình an toàn thông tin, dữ liệu của TTTHDL tỉnh.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan vận hành (Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Bến Tre)

1. Cơ quan vận hành chịu trách nhiệm về quản lý kỹ thuật, vận hành và khai thác an toàn, có hiệu quả TTTHDL tỉnh;

2. Bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin và hoạt động thông suốt của TTTHDL tỉnh.

3. Tổ chức bảo trì, bảo dưỡng và bảo vệ TTTHDL tỉnh.

4. Tham mưu cơ quan quản lý có kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn đáp ứng yêu cầu, được trang bị các kiến thức liên quan đến hoạt động của TTTHDL tỉnh.

5. Thực hiện việc cung cấp dịch vụ, hệ thống phần mềm tại TTTHDL tỉnh theo yêu cầu của các tổ chức, cơ quan nhà nước và theo sự quyết định của Cơ quan quản lý TTTHDL tỉnh.

6. Tham mưu cơ quan quản lý ban hành các quy trình cung cấp dịch vụ và các quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố và nội qui quản lý ra, vào của TTTHDL tỉnh.

7. Triển khai cung cấp dịch vụ theo đúng với tiêu chuẩn chất lượng, quy trình và trên cơ sở khai thác hiệu quả hạ tầng TTTHDL tỉnh.

8. Thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng một lần cho cơ quan quản lý về tình hình hoạt động và cung cấp dịch vụ của TTTHDL tỉnh và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. Định kỳ hàng tháng, thực hiện báo cáo an toàn thông tin, dữ liệu tại TTTHDL tỉnh gửi về cơ quan quản lý để có các biện pháp xử lý kịp thời.

9. Tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của nhà nước, quy định của ngành và các quy định nêu trong Quy chế này.

10. Tổ chức cử cán bộ trực TTTHDL tỉnh 24/24.

11. Đề xuất kinh phí cho công tác quản lý kỹ thuật, vận hành và bảo trì, bảo dưỡng TTTHDL tỉnh về cơ quan quản lý phê duyệt theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của người sử dụng

1. Sử dụng dịch vụ TTTHDL tỉnh trong phạm vi cho phép.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn bảo mật thông tin, quản lý vận hành và khai thác TTTHDL tỉnh.

3. Trường hợp phát sinh sự cố, thông báo cho cán bộ kỹ thuật tại cơ quan để được hướng dẫn và hỗ trợ khắc phục tại chỗ.

4. Phối hợp với cán bộ kỹ thuật của cơ quan vận hành trong việc xử lý sự cố và xác nhận kết quả xử lý.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh đảm bảo ổn định, liên tục phục vụ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung đặt tại TTTHDL tỉnh và các ứng dụng chuyên ngành khác của các cơ quan, đơn vị.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung tại TTTHDL tỉnh.

3. Quy hoạch tài nguyên hệ thống, các giải pháp, phương án kỹ thuật, các kế

hoạch phát triển TTTHDL tỉnh.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cấp và phát triển TTTHDL tỉnh bảo đảm đáp ứng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Hàng năm, thực hiện tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình khai thác, sử dụng và an toàn thông tin tại TTTHDL tỉnh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 27. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Khai thác, sử dụng hạ tầng dùng chung tại TTTHDL tỉnh hiệu quả phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp của các cơ quan, đơn vị, trên cơ sở tuân thủ các quy định chia sẻ tài nguyên thông tin, chế độ bảo mật và các tiêu chuẩn kỹ thuật CNTT do tỉnh ban hành.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý, khai thác hạ tầng kỹ thuật dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung của tỉnh.

3. Phối hợp thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình khai thác, sử dụng hạ tầng dùng chung của tỉnh và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung tại TTTHDL theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 28. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hàng năm đối với công tác quản lý, vận hành và bảo trì, bảo dưỡng TTTHDL tỉnh.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quy chế này. Đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nội dung Quy chế trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu).

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng

Mẫu số 1

Tên cơ quan:
. . . . . .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

. . . . . , ngày. . . . . tháng . . . . năm 20 . . .

ĐỀ NGHỊ
Cung cấp dịch vụ, tài nguyên công nghệ thông tin
của Trung tâm Tích hợp dữ liệu

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Bến Tre

A) Thông tin chung

- Tên cơ quan: . . . . . .
- Địa chỉ: . . . . . .
- Điện thoại: . . . . Fax: . . . . . .
- Người liên hệ (Họ tên, địa chỉ email, số điện thoại): . . . . . .

. . . . . .

B) Phần đề nghị

Chúng tôi đề nghị được cung cấp dịch vụ, tài nguyên công nghệ thông tin của Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh như sau:

1. Tên dịch vụ, hệ thống phần mềm dùng chung: . . . . . .

. . . . . .

2. Mục đích sử dụng:

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

3. Thời gian sử dụng: . . . . . .

4. Các thông số kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật khác: . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Chúng tôi cam kết tuân thủ các quy định về vận hành Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh./.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 2

Tên cơ quan:
. . . . . .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

. . . . . , ngày. . . . . tháng . . . . năm 20 . . .

ĐỀ NGHỊ
Về việc khắc phục sự cố . . . . . .

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Bến Tre;

A) Thông tin chung

A) Thông tin chung

- Tên cơ quan: . . . . . .
- Địa chỉ: . . . . . .
- Điện thoại: . . . . Fax: . . . . . .
- Người liên hệ (Họ tên, địa chỉ email, số điện thoại): . . . . . .

. . . . . .

B) Thông tin sự cố

1. Mô tả sơ bộ về sự cố:

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

2. Thời gian xảy ra sự cố: . . . . . .

3. Hệ thống xảy ra sự cố (*dịch vụ xảy ra sự cố: phần mềm, email, chat,....*) . . . . . .

. . . . . .

4. Các biện pháp phòng vệ: . . . . . .

5. Yêu cầu khắc phục sự cố: . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Chúng tôi cam đoan việc báo cáo sự cố trên là hoàn toàn đúng sự thật. Đề nghị quý cơ quan hỗ trợ khắc phục sự cố./.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)